

Số: 827/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500
Khu đô thị mới Tiên Châu, khu vực 2 tại phường Tiên Châu,
thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/9/2015;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 01/10/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quyết định về việc phê duyệt đồ án QHCT xây dựng, tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới tại xã Tiên Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Tiên Châu, khu vực 2, tại xã Tiên Châu, thị xã Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới Tiên Châu, khu vực 2, tại phường Tiên Châu, thành phố Phúc Yên; Ý kiến thống nhất phê duyệt quy hoạch của Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 129/TTr-SXD ngày 28/3/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết (QHCT) TL1/500, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Tiên Châu, khu vực 2 tại phường Tiên Châu, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

2. Chủ đầu tư: Tổng Công ty ĐTPT Nhà và Đô thị - Bộ Quốc phòng;

3. Lý do, mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh quỹ đất nhà ở xã hội thấp tầng (*dự kiến chi trả đất ở dịch vụ cho nhân dân*) thành quỹ đất nhà ở xã hội cao tầng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới Tiên Châu, khu vực 2.

- Điều chỉnh loại bỏ diện tích đất ở hiện hữu của các khu dân cư tiếp giáp xung quanh ra khỏi phạm vi ranh giới lập quy hoạch và thực hiện dự án; điều chỉnh lại phạm vi ranh giới tiếp giáp với Khu đô thị Hùng Vương – Tiên Châu để tránh chồng lấn giữa 2 dự án;

- Khớp nổi hạ tầng của dự án với Khu đô thị mới Hùng Vương – Tiên Châu.

- Điều chỉnh lại cơ cấu sử dụng đất và không gian đô thị cho phù hợp với các nội dung điều chỉnh nêu trên; bổ sung thêm các thành phần đất công cộng đô thị đảm bảo phù hợp với QCVN 01:2021/BXD về quy mô diện tích và bán kính phục vụ.

4. Điều chỉnh phạm vi, quy mô quy hoạch

- Điều chỉnh tổng diện tích lập quy hoạch và thực hiện dự án từ 359.524m² xuống 344.953m² (*giảm 14.571m²*).

- Quy mô dân số đô thị: Khoảng 6.774 người (*tăng 208 người so với đồ án đã được phê duyệt*).

5. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

- Đất công trình công cộng:

Điều chỉnh tăng từ 25.493m² lên 30.131,2m² (+4.638,2m²). Trong đó, đất văn hóa và y tế tăng 375,2m²; đất giáo dục tăng 106,8m²; bổ sung thêm đất dịch vụ thương mại với diện tích 4.156,2m².

- Đất ở:

Điều chỉnh giảm từ 172.419m² xuống 149.386m² (-23.033m²). Trong đó: Đất ở hỗn hợp thấp tầng điều chỉnh giảm từ 40.362m² xuống 35.370m² (-4.992m²); đất nhà ở liền kề điều chỉnh giảm từ 52.085m² xuống 40.355,5m² (-11.729,5m²); đất nhà ở biệt thự điều chỉnh giảm từ 38.200m² xuống 35.569,5m² (-2.630,5m²); đất ở hỗn hợp cao tầng điều chỉnh tăng từ 6.372m² lên 6.814,7m² (+442,7m²); đất nhà ở xã hội điều chỉnh giảm từ 35.400m² xuống 31.276,3m² (-

4.123,7m²; trong đó, loại bỏ 11.863 quỹ đất nhà ở xã hội dạng liền kề, bổ sung 7.739,3m² quỹ đất nhà ở xã hội dạng chung cư).

- Đất cây xanh TĐTT điều chỉnh giảm từ 33.006m² xuống 29.514,6m² (-3.491,4m²); tăng diện tích đất đầu mối HTKT từ 1.426m² lên 2.584,7m² (+1.158,7m²); tăng đất đường giao thông điều chỉnh tăng từ 123.512m² lên 125.075,9m² (+1.563,9m²); đất bãi đỗ xe điều chỉnh tăng từ 3.668m² lên 8.260,6m² (+4.592,6m²).

Bảng tổng hợp cơ cấu SDD trước và sau điều chỉnh QH:

STT	Hạng mục	QH phê duyệt	QH điều chỉnh		Tăng, giảm diện tích (m ²)
		Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Công trình công cộng	25.493,0	30.131,2	8,73	+4.638,2
1	Văn hóa, y tế	5.750,0	6.125,2	1,78	+375,2
2	Trường học	19.743,0	19.849,8	5,75	+106,8
3	Đất dịch vụ thương mại		4.156,2	1,20	+4.156,2
II	Đất ở	172.419,0	149.386,0	43,31	-23.033,0
1	Hỗn hợp thấp tầng	40.362,0	35.370,0	10,25	-4.992,0
2	Nhà liền kề	52.085,0	40.355,5	11,70	-11.729,5
3	Nhà Biệt thự	38.200,0	35.569,5	10,31	-2.630,5
4	Hỗn hợp cao tầng	6.372,0	6.814,7	1,98	+442,7
5	Nhà ở xã hội	35.400,0	31.276,3	9,07	-4.123,7
5.1	<i>Nhà ở dạng liền kề</i>	<i>11.863,0</i>			<i>-11.863,0</i>
5.2	<i>Nhà ở dạng chung cư</i>	<i>23.537,0</i>	<i>31.276,3</i>	<i>9,07</i>	<i>+7.739,3</i>
III	Đất cây xanh - TĐTT	33.006,0	29.514,6	8,56	-3.491,4
1	Cây xanh - TĐTT	33.006,0	29.514,6	8,56	-3.491,4
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.426,0	2.584,7	0,75	1.158,7
V	Đất giao thông	127.180,0	133.336,5	38,65	6.156,5
1	Giao thông nội bộ	123.512,0	125.075,9	36,26	+1.563,9
2	Bãi đỗ xe	3.668,0	8.260,6	2,39	+4.592,6
	Tổng	359.524,0	344.953,0	100,00	-14.571,0

6. Quy hoạch chia lô:

- Đất công trình công cộng có tổng diện tích là $30.131m^2$; được quy hoạch thành 02 lô đất xây dựng Trường Mầm non ký hiệu CC-MN1 ($3.158,6m^2$) và CC-MN2 ($3.225,1m^2$), 01 lô đất xây dựng Trường liên cấp Tiểu học – THCS ký hiệu CC-TH-THCS ($13.466,1m^2$), 02 lô đất xây dựng công trình văn hóa ký hiệu CC-VH1 ($1.430,9m^2$) và CC-VH2 ($2.288,8m^2$), 02 lô đất xây dựng công trình Y tế ký hiệu CC-YT1 ($1.057,5m^2$) và CC-YT2 ($1.348m^2$), 02 lô đất thương mại – dịch vụ ký hiệu CC-TMDV1 ($2.084,6m^2$) và CC-TMDV2 ($2.071,6m^2$).

- Đất ở có quy mô diện tích là $149.386m^2$. Trong đó:

+ Đất ở hỗn hợp thấp tầng có tổng diện tích $35.370 m^2$, được quy hoạch tại 18 lô đất có ký hiệu HH1 đến HH18; chia thành 291 ô đất có diện tích từ $120m^2$ đến $166,5m^2$;

+ Đất nhà ở liền kề có tổng diện tích $40.356m^2$, được quy hoạch tại 34 lô đất có ký hiệu từ LK1 đến LK34; chia thành 376 ô đất có diện tích từ $94,2m^2$ đến $277,5m^2$.

+ Đất nhà ở biệt thự đơn lập có tổng diện tích $12.005m^2$, được quy hoạch tại 04 lô đất có ký hiệu BTDL1 đến BTDL4; chia thành 36 ô đất có diện tích từ $305,5m^2$ đến $391,4m^2$;

+ Đất nhà ở biệt thự song lập có tổng diện tích $23.564,5m^2$, được quy hoạch tại 06 lô đất có ký hiệu BTSL1 đến BTSL6; chia thành 100 ô đất có diện tích từ $217,0m^2$ đến $319,3m^2$;

+ Đất nhà ở xã hội dạng chung cư có tổng diện tích $31.276,3m^2$, được quy hoạch tại lô đất có ký hiệu XHCH1, được thiết kế với 03 tòa nhà dạng tháp đôi cao 14 tầng. Trong đó: Tầng 1 để xe, sinh hoạt cộng đồng, trực PCCC...; tầng 2 đến tầng 14 bố trí các tầng căn hộ, với 10 căn/tháp, 20 căn/tầng và tổng số 260 căn hộ/tòa nhà có diện tích $\leq 70,0m^2$. Tổng số căn hộ nhà ở xã hội là 780 căn hộ/lô đất.

+ Đất nhà ở hỗn hợp cao tầng có tổng diện tích $6.814,7m^2$, được quy hoạch tại lô đất có ký hiệu CT1, được thiết kế công trình dạng tháp đôi cao 15 tầng + 01 tầng hầm. Trong đó: Tầng hầm để xe, sinh hoạt cộng đồng, trực PCCC...; tầng 1 và tầng 2 bố trí các không gian sinh hoạt cộng đồng, dịch vụ công cộng và thương mại dịch vụ; tầng 3 đến tầng 15 bố trí các tầng căn hộ, với 08 căn/tháp, 16 căn/tầng và tổng số 208 căn hộ/tòa.

- Đất cây xanh, TDTT có quy mô diện tích là $29.514,6m^2$; được quy hoạch tại 27 lô đất cây xanh vườn hoa ký hiệu CX1 đến CX8 và CX10 đến CX28, 01 lô đất cây xanh thể dục thể thao ký hiệu CX9-TDTT.

- Đất giao thông nội bộ có tổng diện tích là $125.075,9m^2$; đất bãi đỗ xe có tổng diện tích là $8.260,6m^2$, được quy hoạch tại 8 lô đất có ký hiệu từ P1 đến P8.

- Đất công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật có quy mô diện tích là 2.584,7m², quy hoạch tại lô đất có ký hiệu HT – công trình Trạm xử lý nước thải cho khu đô thị.

7. Yêu về kiến trúc cảnh quan:

- Tầng cao xây dựng: Các công trình nhà ở liền kề và nhà ở hỗn hợp thấp tầng có tầng cao xây dựng là 5 tầng; các công trình biệt thự có tầng cao xây dựng là 3 tầng; công trình Trường Mầm non có tầng cao xây dựng tối đa là 3 tầng; công trình Trường liên cấp Tiểu học – THCS có tầng cao xây dựng tối đa là 4 tầng; công trình Nhà văn hóa và Y tế có tầng cao xây dựng là 3 tầng; công trình thương mại dịch vụ có tầng cao xây dựng là 5 tầng; công trình Nhà ở xã hội cao tầng có tầng cao xây dựng là 14 tầng (*không tính tầng tum kỹ thuật*); công trình Nhà ở hỗn hợp cao tầng có tầng cao xây dựng là 15 tầng + 01 tầng hầm (*không tính tầng tum kỹ thuật*); các lô đất bãi đỗ xe tĩnh có tầng cao xây dựng tối đa là 3 tầng; các lô đất cây xanh TDDT và đất đầu mối HTKT có tầng cao xây dựng là 1 tầng.

- Mật độ xây dựng: Các công trình nhà ở hỗn hợp thấp tầng có mật độ xây dựng từ 76% đến 86%; các công trình nhà ở liền kề có mật độ xây dựng từ 62% đến 95%; các công trình biệt thự đơn lập có mật độ xây dựng tối đa từ 55% đến 59%; các công trình biệt thự song lập có mật độ xây dựng tối đa từ 59% đến 68%; các công trình giáo dục, Nhà văn hóa, Y tế, thương mại dịch vụ có mật độ xây dựng tối đa là 40%; công trình Nhà ở xã hội cao tầng có mật độ xây dựng tối đa là 30%; công trình nhà ở hỗn hợp cao tầng có mật độ xây dựng tối đa là 60%; các lô đất xây xanh, bãi đỗ xe có mật độ xây dựng tối đa là 5%; công trình đầu mối HTKT có mật độ xây dựng tối đa là 60% (*mật độ xây dựng cụ thể của các ô đất ở xác định nội suy theo QCVN 01:2021/BXD*).

- Chỉ giới xây dựng công trình: Chỉ giới xây dựng các công trình nhà ở liền kề cho phép trùng với chỉ giới đường đỏ đường giao thông tiếp giáp; Chỉ giới xây dựng các công trình biệt thự đơn lập, biệt thự song lập, nhà ở hỗn hợp thấp tầng, công trình Y tế, Văn hóa, Giáo dục, thương mại dịch vụ lùi tối thiểu 3,0m so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông tiếp giáp; công trình Nhà ở xã hội cao tầng, nhà ở hỗn hợp cao tầng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông tiếp giáp.

- Hình thức kiến trúc chủ đạo: Hình khối kiến trúc đơn giản, thiết kế hiện đại; sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường, phù hợp với điều kiện khí hậu và điều kiện thiên nhiên của khu vực; tăng cường sử dụng các vật liệu tự nhiên, kết hợp với các vật liệu hiện đại như kính, kim loại làm phong phú cảm thụ

thảm mỹ; sử dụng màu sắc, trong sáng, nhẹ nhàng, tránh những màu quá sẫm, quá nóng.

8. Điều chỉnh quy hoạch hệ thống HTKT:

8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, không gian cảnh quan dự án và đấu nối với khu vực xung quanh; mạng lưới đường giao thông trong phạm vi dự án có các mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 1-1: $B = 35,0\text{m} = (3,0 + 7,5 + 2,0 + 10,0 + 2,0 + 7,5 + 3,0)\text{m}$;

- Mặt cắt 2-2: $B = 25,0\text{m} = (5,0 + 15,0 + 5,0)\text{m}$;

- Mặt cắt 3-3: $B = 19,5\text{m} = (4,5 + 10,5 + 4,5)\text{m}$;

- Mặt cắt 4-4: $B = 13,5\text{m} = (3,0 + 7,5 + 3,0)\text{m}$;

- Mặt cắt 5-5: $B = 14,5\text{m} = (7,0 + 7,5)\text{m}$;

- Mặt cắt 6-6: $B = 33,0\text{m} = (4,5 + 7,5 + 1,0 + 7,0 + 1,0 + 7,5 + 4,5)\text{m}$;

- Bó vỉa bằng viên vỉa BTXM có kích thước 100x30x20cm, đoạn bó cong kích thước 40x30x20cm. Tại nút giao thông, bán kính bó vỉa tối thiểu là 8,0m.

8.2. Quy hoạch hệ thống san nền, thoát nước mưa:

- Giải pháp san nền cho khu vực lập Quy hoạch: Tôn trọng và tận dụng tối đa lợi thế của địa hình tự nhiên, khớp nối hạ tầng với các tuyến đường giao thông hiện trạng tiếp giáp khu vực lập quy hoạch, đảm bảo khối lượng đào đắp là nhỏ nhất. Cao độ khống chế san nền được xác định tại các vị trí nút giao thông và ranh giới lô đất: Cao độ san nền cao nhất H_{\max} là: + 9,50m. Cao độ san nền thấp nhất H_{\min} là: + 8,60m.

- Giải pháp thoát nước mặt: Nước mưa được thoát theo nguyên tắc tự chảy $I_{\min} = 1/D$; dựa theo quy hoạch san nền, dọc theo các tuyến đường giao thông bố trí các tuyến công BTCT D600, D800, D1000, D1500, D2000, D2200 để thu nước trên vỉa hè, mặt đường và nước mưa từ các lô đất thông qua hệ thống hố ga hàm ếch cách nhau 30m đến 40m; đồng thời xây dựng hệ thống công hộp hoặc rãnh xây gạch nắp tấm đan tiết diện BxH:1200x600mm để hoàn trả hệ thống mương cấp nước phục vụ tưới tiêu chạy qua dự án. Nước mưa trong khu vực được đấu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

Đề xuất: Tăng kích thước đoạn cống thoát nước của dự án đường 100m Mê Linh giai đoạn 2 (bên giáp Dự án Khu đô thị mới Tiền Châu – Khu vực 2) từ công tròn kích thước D600 lên kích thước $\geq D2200$ để đảm bảo lưu lượng thoát nước; chiều dài đoạn cống này tính từ điểm đấu nối thoát nước (tại lý trình Km3+160) đến công hộp kép 2 BxH=3.0x2.0m khoảng 200m (nằm ngoài ranh giới Dự án Khu đô thị mới Tiền Châu – Khu vực 2).

8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho Dự án được lấy từ nhà máy nước Phúc Yên thông qua đường ống phân phối D250 chạy cắt ngang qua dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận hướng tuyến tại Văn bản số 365/UBND-CN3 ngày 19/01/2021 thông qua 03 điểm đầu nối.

- Chỉ tiêu tính toán: Theo QCVN và TCVN hiện hành.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng cụt. Các tuyến ống phân phối được xây dựng dọc các tuyến đường trong dự án, các tuyến ống chính có đường kính 110mm. Thiết kế các tuyến ống dịch vụ D75 và D50 đảm bảo lưu lượng và áp lực cấp nước đến mọi đối tượng sử dụng, bố trí dọc theo các tuyến đường vào nhà.

- Hệ thống cứu hoả: Các họng cứu hoả được thiết kế kiểu nổi, được bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường và dọc tuyến ống cấp nước &110 với khoảng cách theo quy phạm.

8.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn điện: Được lấy từ đường dây trung thế 22KV chạy cắt ngang qua dự án, xuất phát từ trạm 110KV Phúc Yên cấp tới. Di chuyển và hạ ngầm các đường dây trung thế chạy cắt ngang qua các lô đất chức năng lên vỉa hè đường quy hoạch.

- Chỉ tiêu tính toán: Theo QCVN và TCVN hiện hành.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 08 trạm biến áp công suất từ 560KVA đến 2x1.500KVA; tổng công suất là 10.010KVA để cung cấp điện cho toàn khu vực lập quy hoạch.

- Mạng lưới điện sinh hoạt:

+ Lưới điện trung áp: sử dụng cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (3x240)mm² cấp điện cho các trạm biến áp 22/0,4KV trong phạm vi dự án.

+ Lưới điện hạ áp 0,4KV: sử dụng cáp ngầm dọc theo các trục đường chính dẫn đến tủ điện rồi phân phối đến các phụ tải điện. Khoảng cách bố trí các tủ điện phù hợp với từng loại tủ 6, 9 hoặc 12 công tơ.

- Hệ thống điện chiếu sáng:

+ Tủ điều khiển chiếu sáng được lấy từ trạm biếp áp xây mới. Các tủ điều khiển chiếu sáng tự động loại 3P-100A được đặt trên cột của trạm biến áp chiếu sáng, tủ được đặt ngoài trời với vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện với cấp bảo vệ của vỏ tủ là IP54.

+ Cáp chiếu sáng sử dụng cáp ngầm, đi ngầm trên vỉa hè, cách vỉa hè 0,5m dọc theo đường nội bộ. Sử dụng bóng đèn LED 100W IP67 kết hợp hệ thống đèn chiếu sáng cho các khu cây xanh dạng cột 5 bóng LED 25W-IP67.

+ Chiều sáng 02 bên đối với tuyến đường có mặt cắt ngang rộng $\geq 25,0\text{m}$; chiều sáng 1 bên đối với trục đường nội bộ khác trong khu vực lập quy hoạch, kết hợp với hệ thống đèn chiếu sáng cảnh quan trong các khu chức năng, cho khu vườn hoa, cây xanh.

8.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Chỉ tiêu tính toán áp dụng theo QCVN hiện hành.

- Thoát nước thải: Bố trí hệ thống công thoát nước thải riêng so với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại trong các công trình sẽ được thu gom bằng tuyến cống D300 để dẫn về Trạm xử lý nước thải trong dự án có công suất $1.200\text{m}^3/\text{ngđ}$. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch.

- Thu gom chất thải rắn: Rác thải trong các khu chức năng sẽ được thu gom và phân loại tại nguồn thông qua hệ thống thùng đựng rác riêng; công nhân môi trường sẽ chuyên rác đến nơi tập kết bằng xe đẩy, sau đó rác thải sẽ được vận chuyển đến điểm tập kết rác tập trung và đưa về khu xử lý rác của tỉnh.

8.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: Thuộc tổng đài điều khiển của các nhà dịch vụ mạng, nhu cầu sử dụng được tính toán phù hợp với quy mô phát triển của dự án..

- Cáp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực. Từ tủ cáp thông tin liên lạc đi ngầm theo hệ thống điện sinh hoạt vào các hộ sử dụng trong khu vực.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết

Ban hành Quy định quản lý theo điều chỉnh quy hoạch chi tiết kèm theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

(Chi tiết tại hồ sơ đồ án đã được Sở Xây dựng thẩm định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Tổng Công ty ĐTPT Nhà và Đô thị - Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định này; tổ chức lập điều chỉnh dự án đầu tư trình thẩm định và chấp thuận; triển khai các thủ tục tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, UBND thành phố Phúc Yên, UBND phường Tiền Châu theo chức năng nhiệm vụ thực hiện giám sát việc triển khai dự án của Chủ đầu tư theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương; Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên, Chủ tịch UBND phường Tiền Châu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Chí Giang